

Số: 968/2025/QĐST-HNGĐ

Tp Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2025).

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 961/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Vũ Thị Thiên L, sinh năm 1995.

Số căn cước công dân: 092195013847; cấp ngày 22/11/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: A đường G, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Và ông Trần Văn H, sinh năm 1990

Số căn cước công dân: 075090023367; cấp ngày 12/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: A đường G, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị Thiên L và ông Trần Văn H tự nguyện sống chung năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 08/10/2018.

Cuộc sống chung giữa bà Vũ Thị Thiên L và ông Trần Văn H không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do tính cách không phù hợp. Hiện nay đôi bên đã sống ly thân. Nay bà L và ông H xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Vũ Gia P, sinh ngày 08/8/2019. Bà L, ông H thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc con chung đủ tròn 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung do đôi bên tự giao nhận trực tiếp vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

[3] Về tài sản chung: Bà L, ông H tự khai không có.

Về nợ chung: Bà L, ông H tự khai không có.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025, Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành; Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thiên L và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 08/10/2018 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Vũ Thị Thiên L và ông Trần Văn H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Vũ Gia P, sinh ngày 08/8/2019. Bà Vũ Thị Thiên L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Vũ Gia P. Ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc con chung đủ tròn 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung do đôi bên tự giao nhận trực tiếp vào ngày 10 dương lịch hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người bị yêu cầu còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Đương sự tự khai không có.
- Về nợ chung: Đương sự tự khai không có.

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình: Mỗi người phải nộp 150.000 đồng được căn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà L và ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0030369 ngày 24/10/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L và ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Khu vực 2;
- Thi hành án dân sự Tp Hồ Chí Minh;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Tâm

